

THÔNG SỐ NHÂN LỰC TRỰC TUYẾN

Ghi nhận các xu hướng cung cầu nhân lực trực tuyến qua VietnamWorks.com

THÁNG 7-2009

MỤC LỤC

XU HƯỚNG CUNG CẦU NHÂN LỰC TRỰC TUYẾN	3
Cầu nhân lực trực tuyến có chiều hướng tăng	3
Xu hướng cung nhân lực trực tuyến phản ánh “thị trường của nhà tuyển dụng”	3
Nhóm năm ngành nghề có chỉ số cung-cầu nhân lực trực tuyến cao nhất.....	4
Có dấu hiệu giảm khoảng cách cung-cầu nhân lực trong đa số ngành nghề	5
Phân bố công việc theo địa phương	5
Nhu cầu nhân lực theo cấp bậc	6
CHỈ SỐ CẠNH TRANH NHÂN LỰC	7
Năm ngành nghề cạnh tranh nhất.....	7
Chỉ số cạnh tranh nhân lực theo cấp bậc	7
Chỉ số cạnh tranh nhân lực theo địa phương	8
ĐỊNH NGHĨA	10
THÔNG SỐ NHÂN LỰC TRỰC TUYẾN	11
Chỉ số Cầu	11
Chỉ số Cung	12

XU HƯỚNG CUNG CẦU NHÂN LỰC TRỰC TUYẾN

Cầu nhân lực trực tuyến có chiều hướng tăng

Chỉ số cầu nhân lực trực tuyến trong quý II/2009 tăng 36.8% so với quý I/2009. Cụ thể, chỉ số cầu của 34 ngành nghề trong tổng số 50 ngành nghề trên www.vietnamworks.com tăng so với quý I/2009. Nhu cầu nhân lực trong ngành Chứng Khoán tăng cao nhất, tăng 200% so với quý trước, tuy nhiên trên thực tế, chỉ số cầu của ngành này lại khá thấp so với chỉ số cầu của các ngành khác trong nửa đầu năm 2009. Trong số những ngành nghề có chỉ số cầu tăng trong quý II/2009, ngành Công Nghệ Thông Tin – Phần Mềm có mức tăng thấp nhất, 11,8%. Nhu cầu lao động trong 16 ngành nghề còn lại không thay đổi trong quý II/2009.

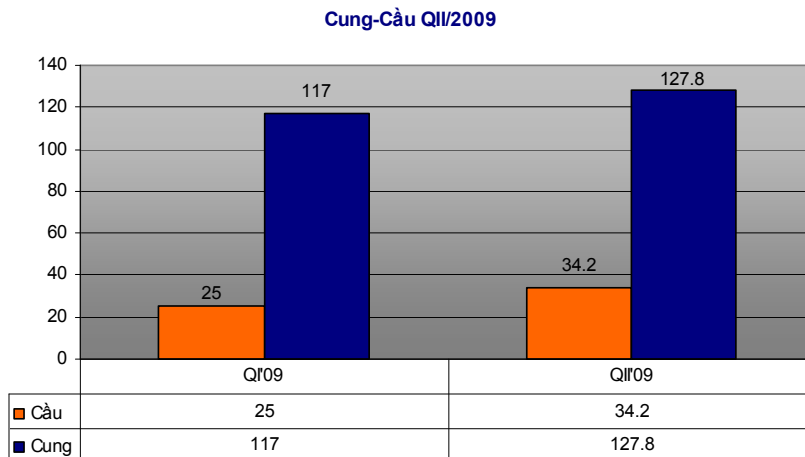
Dù cầu nhân lực trực tuyến bắt đầu có dấu hiệu đi lên, các nhà tuyển dụng không vì vậy mà không thận trọng hơn trong việc tuyển chọn đúng người cho đúng việc và áp dụng tiêu chuẩn tuyển chọn khắt khe hơn bao giờ hết. Trong một chừng mực nào đó, đây có thể xem như một xu hướng tích cực của thị trường lao động bởi nó giúp tăng cường tính chuyên nghiệp trong các hoạt động tuyển dụng, bao gồm hai phía nhà tuyển dụng và ứng viên. Mặt khác, ứng viên vẫn không dễ dàng tìm được một công việc phù hợp bởi tính cạnh tranh thị trường lao động tăng liên tục trong thời gian vừa qua. Xu hướng này hứa hẹn sẽ còn tiếp tục trong thời gian sắp tới.

Xu hướng cung nhân lực trực tuyến phản ánh “thị trường của nhà tuyển dụng”

Trong quý II/2009, chỉ số cung nhân lực trực tuyến tiếp tục xu hướng tăng, tăng 9.2% so với quý I/2009. So với quý trước, chỉ số cung nhân lực của 26 ngành nghề tăng, 12 ngành nghề không thay đổi và chỉ số cung nhân lực trực tuyến của 12 ngành nghề còn lại có xu hướng giảm. Cung nhân lực trong ngành Kiến Trúc giảm mạnh nhất ở mức 20% trong khi ngành Chứng Khoán có chỉ số cung nhân lực tăng cao nhất, đạt 35.7% so với quý I/2009.

Quan trọng hơn hết, chỉ số cung-cầu nhân lực trực tuyến trong quý II/2009 phản ánh cán cân quyết định trên thị trường lao động vẫn nghiêng về phía nhà tuyển dụng vì họ đang có nguồn cung nhân lực rất lớn. Thực vậy, chỉ số cung nhân lực trực tuyến của quý II/2009 đạt 127.8 điểm trong khi chỉ số cầu nhân lực trực tuyến chỉ đạt 34.2 điểm.

Dù chỉ số cung nhân lực cao gấp 3,7 lần so với chỉ số cầu nhân lực, chỉ số cầu nhân lực đang đi lên với tốc độ cao hơn so với chỉ số cung, cho thấy thị trường lao động đã bắt đầu có dấu hiệu hồi phục.



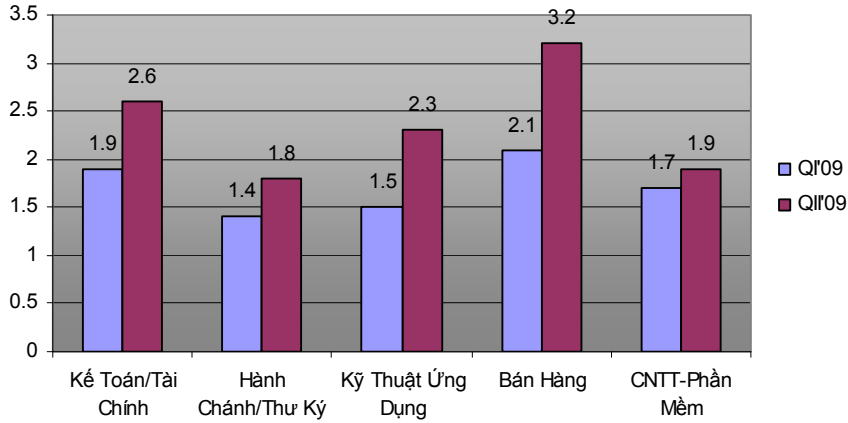
Biểu đồ 1 – Nguồn Vietnamworks.com

Nhóm năm ngành nghề có chỉ số cung-cầu nhân lực trực tuyến cao nhất

Trong quý II/2009 Kế Toán/Tài Chính, Hành Chánh/Thư Ký, Kỹ Thuật Ứng Dụng, Bán Hàng và CNTT-Phần Mềm dẫn đầu danh sách năm ngành nghề có chỉ số cầu nhân lực trực tuyến

cao nhất. Trong đó, Bán Hàng có chỉ số cầu nhân lực trực tuyến cao nhất và tăng 52.4% so với quý đầu năm 2009. Sự gia tăng nhu cầu nhân lực trong các ngành nghề chủ chốt phần nào nói lên nhu cầu của nhà tuyển dụng trong việc tìm kiếm nhân tài giúp họ vượt qua giai đoạn kinh tế khó khăn hoặc nhằm chuẩn bị cho giai đoạn tiếp theo khi kinh tế hồi phục.

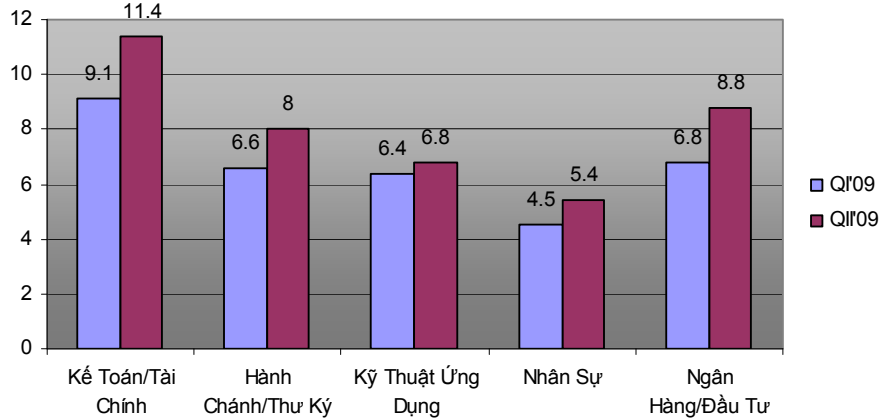
5 ngành nghề có chỉ số cầu cao nhất - QII/2009



Biểu đồ 2 – nguồn: VietnamWorks.com

Trong khi đó, ngành Kế Toán/Tài Chính dẫn đầu danh sách năm ngành nghề có chỉ số cung nhân lực trực tuyến cao nhất trong quý II/2009, tăng 25.3% so với quý I/2009. Các ngành khác trong danh sách này bao gồm Ngân Hàng/Đầu Tư, Hành Chính/Thư Ký, Kỹ Thuật Ứng Dụng và Nhân Sự.

5 ngành nghề có chỉ số cung cao nhất-QII/2009



Biểu đồ 3 – Nguồn: VietnamWorks.com

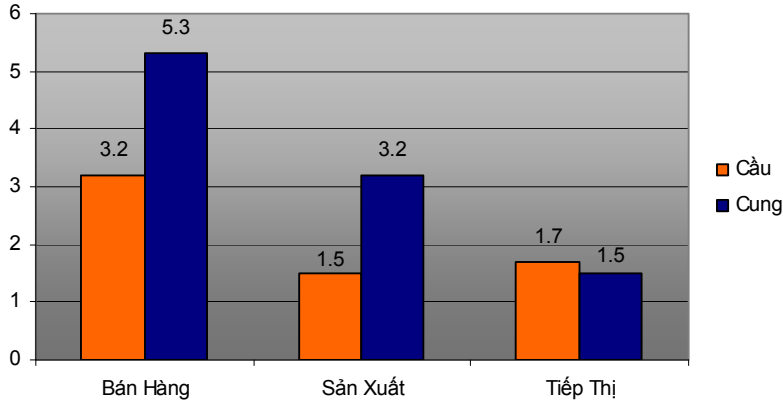
Có dấu hiệu giảm khoảng cách cung-cầu nhân lực trong đa số ngành nghề

Trong quý II/2009, các dấu hiệu tích cực cũng được ghi nhận trong đa số ngành nghề. Cụ thể, khoảng cách cung-cầu nhân lực trong 34/50 ngành nghề đã được rút ngắn trong quý vừa qua. Dù khoảng cách cung-cầu nhân lực trên thực tế vẫn còn xa và cần có thêm thời gian để giảm bớt, sự rút ngắn khoảng cách này phần nào giúp giảm áp lực cạnh tranh đối với người tìm việc.

Trong số những ngành nghề có chỉ số cầu cao nhất trong quý II/2009, Bán Hàng, Sản Xuất và Tiếp Thị có khoảng cách cung-cầu ngắn nhất. Cụ thể, chỉ số cầu nhân lực trực tuyến của nghề Bán Hàng tăng 52,4% so với quý I/2009 trong khi chỉ số cung nhân lực trực tuyến chỉ

tăng 10,4%. Chỉ số cầu nhân lực trực tuyển của ngành Sản Xuất tăng 36,4% so với quý I/2009 nhưng chỉ số cung lại giảm 5,9% so với quý trước. Đặc biệt, chỉ số cầu nhân lực trực tuyển ngành Tiếp Thị trong quý II/2009 tăng 54,5%, cao hơn nhiều so với chỉ số cung (tăng 7.1%). Điều này cho thấy nhu cầu tuyển dụng nhân sự trong ngành Tiếp Thị lớn hơn so với nguồn cung trong quý vừa qua.

Những ngành có khoảng cách cung-cầu ngắn nhất QII/2009

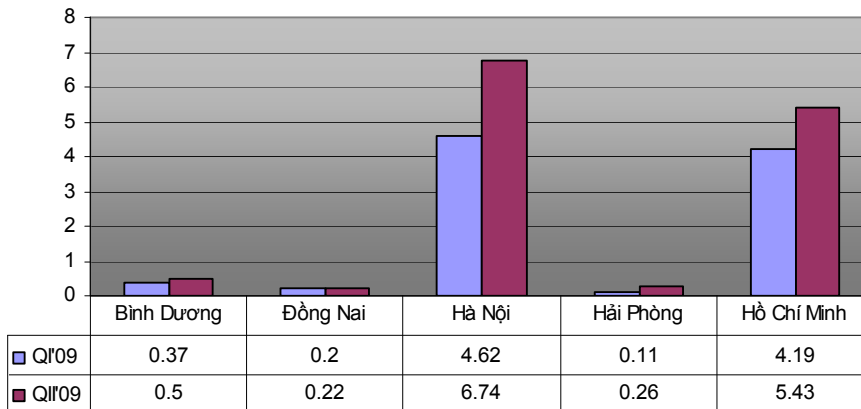


Biểu đồ 4 – Nguồn: VietnamWorks.com

Phân bố công việc theo địa phương

Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh vẫn dẫn đầu danh sách 5 địa phương có chỉ số cầu nhân lực trực tuyển cao nhất với chỉ số cầu nhân lực tại mỗi địa phương lần lượt là 6.74 điểm và 5.43 điểm; tiếp tục là “trung tâm việc làm” của cả nước. Trên thực tế, chỉ số cầu nhân lực trực tuyển tại phần lớn các địa phương đều gia tăng trong quý II/2009, nhờ vậy ứng viên tại các địa phương đó có thêm cơ hội việc làm.

5 địa phương có chỉ số cầu cao nhất QII/2009



Biểu đồ 5 – Nguồn: Vietnamworks.com

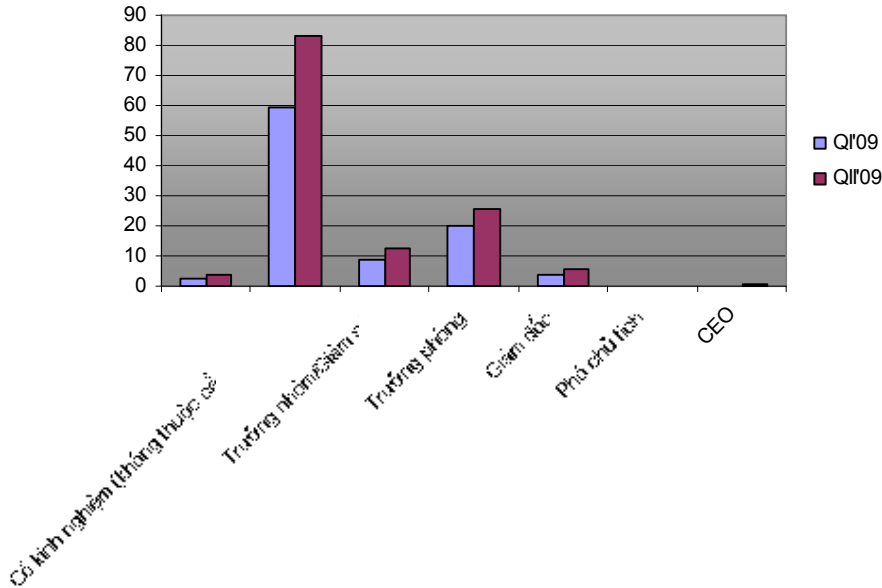
Nhu cầu nhân lực theo cấp bậc

Nhìn chung trong quý II/2009, chỉ số cầu nhân lực trực tuyển ở tất cả các cấp bậc đều gia tăng bất chấp tình hình kinh tế.

Trong quý II/2009, nhu cầu tuyển dụng nhân viên có kinh nghiệm và không thuộc cấp quản lý chiếm tỷ lệ cao nhất, cho thấy thị trường lao động vẫn thiếu nhân lực có trình độ và tay

ngành. Chỉ số cầu nhân lực ở cấp bậc nhân viên trong quý II/2009 tăng 40.1% so với quý I/2009. Sự gia tăng này trong một chừng mực nào đó tương đồng với kết quả từ cuộc Khảo Sát Xu Hướng 2009 do Navigos Group thực hiện trong tháng 3/2009 vừa qua. Theo kết quả này, 67% trong tổng số 91 công ty tham gia khảo sát cho biết vẫn tiếp tục tuyển dụng trong vòng 6 tháng tới, chủ yếu là ở cấp bậc nhân viên.

Nhu cầu nhân lực theo cấp bậc



Biểu đồ 6 – Nguồn: VietnamWorks.com

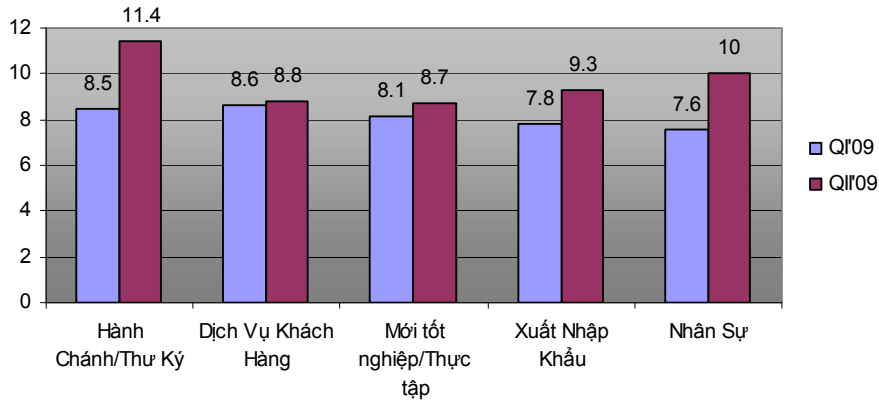
CHỈ SỐ CẠNH TRANH NHÂN LỰC

Chỉ số cạnh tranh nhân lực là con số thống kê mới được bổ sung vào Báo cáo Thông số Nhân lực Trực tuyến kể từ quý II/2009. Thông số này phản ánh mức độ quan tâm của ứng viên đối với những công việc đang tuyển trên www.vietnamworks.com, tương ứng với từng ngành nghề, theo từng cấp độ và tại những địa phương cụ thể.

Năm ngành nghề cạnh tranh nhất

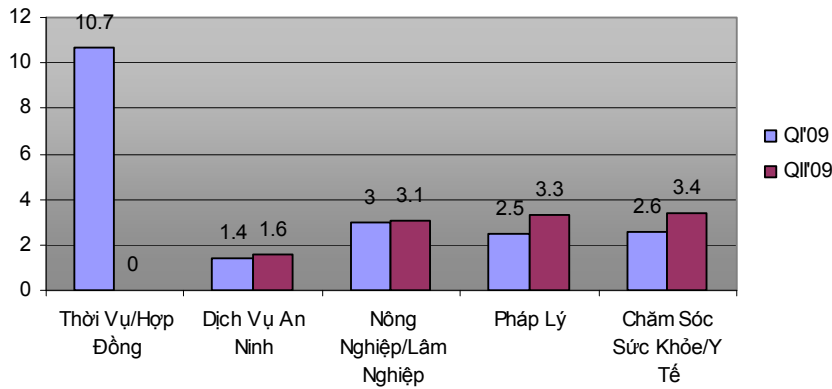
Theo dữ liệu của VietnamWorks.com, nhóm năm ngành nghề có mức cạnh tranh nhân lực cao nhất trong quý II/2009 bao gồm Hành Chính/Thư Ký, Dịch Vụ Khách Hàng, Mới Tốt Nghiệp/Thực Tập, Xuất Nhập Khẩu và Nhân Sự. Trong số đó, Hành Chính/Thư Ký có chỉ số cạnh tranh nhân lực cao nhất, đạt 11,4 điểm. Ngược lại, Thời Vụ/Hợp Đồng, Dịch Vụ An Ninh, Nông Nghiệp/Lâm Nghiệp, Pháp Lý và Chăm Sóc Sức Khỏe/Y Tế là những ngành ít cạnh tranh nhất trong quý II/2009.

5 ngành nghề cạnh tranh nhất - QII/2009



Biểu đồ 7 – Nguồn: VietnamWorks.com

5 ngành nghề ít cạnh tranh nhất - QII/2009

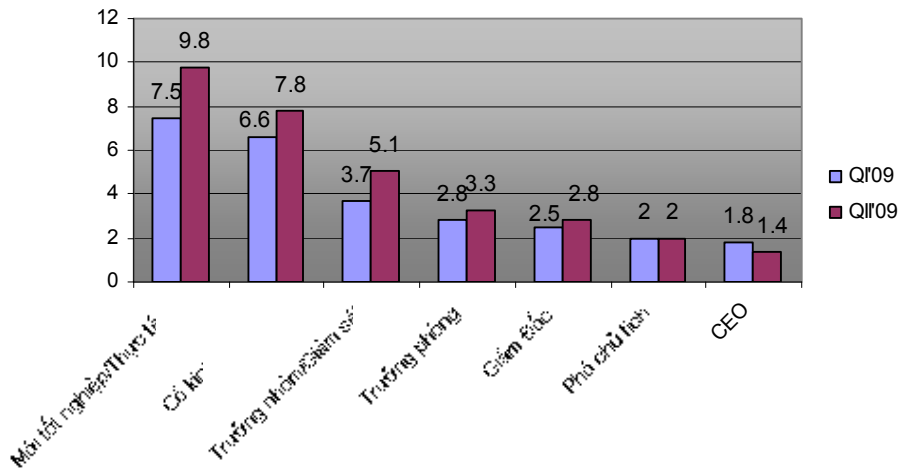


Biểu đồ 8 – Nguồn: Vietnamworks.com

Chỉ số cạnh tranh nhân lực theo cấp bậc

Tính theo cấp bậc, trong tổng số 7 cấp bậc công việc do VietnamWorks.com phân loại, cấp bậc Mới Tốt Nghiệp/Thực Tập có chỉ số cạnh tranh nhân lực cao nhất. Điều này cũng dễ hiểu do mùa tốt nghiệp và sẵn việc của sinh viên các trường đại học, cao đẳng thường rơi vào quý II hàng năm. Tính cạnh tranh của thị trường lao động gia tăng ở tất cả các cấp bậc tính từ quý I/2009 đến quý II/2009; ngoại trừ 2 cấp bậc: CEO và Phó Chủ tịch.

Chỉ số cạnh tranh theo cấp bậc - QII/2009

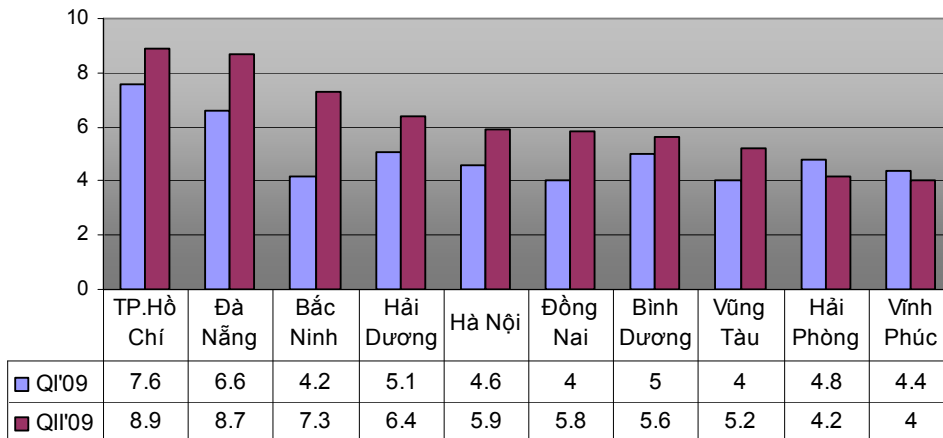


Biểu đồ 10 – Nguồn: VietnamWorks.com

Chỉ số cạnh tranh nhân lực theo địa phương

Trong khi đó, tính theo địa phương thì trong quý II/2009, chỉ số cạnh tranh nhân lực tại hầu hết các địa phương đều có xu hướng tăng. Trong số 10 địa phương có chỉ số cầu nhân lực trực tuyến cao nhất trong quý II/2009, TP.HCM có tỷ lệ cạnh tranh cao nhất trong khi Vĩnh Phúc xếp vị trí thứ 10.

Chỉ số cạnh tranh nhân lực ở những địa phương có chỉ số cầu nhân lực cao nhất QII/2009



Biểu đồ 11 – Nguồn: VietnamWorks.com

THÔNG SỐ NHÂN LỰC TRỰC TUYẾN – PHIÊN BẢN 2009

Báo cáo Thông số Nhân lực Trực tuyến của VietnamWorks.com là bản tổng kết hàng quý về tình hình cung – cầu nhân lực trực tuyến được ghi nhận thông qua trang web www.vietnamworks.com. Chỉ số cung – cầu nhân lực trực tuyến không phải là số lượng việc làm hay số lượng hồ sơ tìm việc đăng trên trang web www.vietnamworks.com, mà là chỉ số thể hiện xu hướng của thị trường lao động trong từng ngành nghề cụ thể, từng cấp bậc và trên khắp các tỉnh thành Việt Nam.

ĐỊNH NGHĨA

- **Chỉ số cầu** – được tính trên cơ sở số lượng việc làm mới, hợp lệ và đăng tuyển trên trang web của VietnamWorks.com trong quý. Chỉ số này phản ánh những thay đổi dữ liệu theo thời gian một cách tương đối.
- **Chỉ số cung** – được tính trên cơ sở số lượng hồ sơ mới được tạo ra trong quý trên trang web của VietnamWorks.com, đạt điều kiện để nhà tuyển dụng tra cứu. Chỉ số này phản ánh những thay đổi dữ liệu theo thời gian một cách tương đối.
- **Việc làm đăng tuyển** – là việc làm do nhà tuyển dụng đăng trên www.vietnamworks.com để thông báo tuyển dụng cho một vị trí cụ thể.
- **Hồ sơ tìm việc** – do người tìm việc soạn thảo, đăng trên www.vietnamworks.com và nhà tuyển dụng có thể tra cứu được.
- **Chỉ số cạnh tranh nhân lực** – được tính trên cơ sở số lượng hồ sơ tìm việc ứng tuyển cho một việc làm đăng tuyển trên www.vietnamworks.com thông qua chức năng “Nộp đơn” trên trang web.
- **Ngành nghề** - do VietnamWorks.com phân loại để người dùng dễ dàng truy cập vào các việc làm đăng tuyển trong từng danh mục ngành nghề cụ thể. Hiện tại, VietnamWorks.com phân loại thành 50 ngành nghề trên website.
- **Cấp bậc nghề nghiệp** – là cách phân loại đối với các vị trí tuyển dụng.
- **Người tìm việc** – là bất kỳ người nào có soạn thảo hồ sơ đăng trên www.vietnamworks.com hoặc ứng tuyển vào một vị trí tuyển dụng thông qua trang web này.
- **Nhà tuyển dụng** – là những tổ chức và cá nhân có đăng tuyển trên trang web của VietnamWorks.com.
- **Địa phương** – chỉ những tỉnh thành có cơ hội việc làm cho người tìm việc.

CHỈ SỐ CẦU

STT.	Ngành nghề	QI'09	QII'09
1	Kế toán/Tài chính	1.9	2.6
2	Hành chính/Thư ký	1.4	1.8
3	Quảng cáo/Khuyến mãi/Đổi ngoại	0.5	0.8
4	Nông nghiệp/Lâm nghiệp	0.1	0.1
5	Kiến trúc	0.3	0.4
6	Dược/Công nghệ sinh học	0.3	0.3
7	Xây dựng	0.8	1.2
8	Tư vấn	0.2	0.2
9	Nghệ thuật/Thiết kế	0.3	0.4
10	Dịch vụ khách hàng	0.4	0.5
11	Giáo dục/Đào tạo/Thư viện	0.3	0.5
12	Kỹ thuật ứng dụng	1.5	2.3
13	Mới tốt nghiệp/Thực tập	0.4	0.6
14	Môi trường/Xử lý chất thải	0.1	0.1
15	Quản lý điều hành	1.3	1.7
16	Người nước ngoài	0.1	0.1
17	Xuất nhập khẩu	0.4	0.6
18	Phi chính phủ/Phi lợi nhuận	0.3	0.4
19	Chăm sóc sức khỏe/Y tế	0.2	0.3
20	Nhân sự	0.6	0.8
21	Bảo hiểm	0.2	0.2
22	Pháp lý	0.2	0.3
23	Sản xuất	1.1	1.5
24	Tiếp thị	1.1	1.7
25	Dầu khí/Khoáng sản	0.2	0.2
26	Bất động sản	0.3	0.5
27	Nhà hàng/Dịch vụ ăn uống	0.2	0.2
28	Bán sỉ/Bán lẻ	0.1	0.1
29	Bán hàng	2.1	3.2
30	Bán hàng kỹ thuật	0.7	0.7
31	CNTT-Phần mềm	1.7	1.9
32	Vận chuyển/Hậu cần	0.5	0.6
33	Du lịch/Khách sạn	0.4	0.6
34	Khác	0.1	0.1
35	Viễn thông	0.7	0.7
36	Ngân hàng/Đầu tư	1	1.5
37	Hóa chất/Sinh hóa	0.2	0.2
38	Mỹ phẩm	0.1	0.1
39	Da giày	0.1	0.1
40	Đồ gỗ/Nội thất	0.1	0.2
41	Biên phiên dịch	0.5	0.6
42	Báo chí	0.1	0.2
43	Vật tư	0.2	0.4
44	Dịch vụ an ninh	0	0
45	Thời vụ/Hợp đồng	0	0
46	Dệt may	0.3	0.4
47	Kho vận	0.2	0.2
48	Thực phẩm/Đồ uống	0.2	0.3
49	CNTT-Phần cứng/Mạng	1.2	1.4
50	Chứng khoán	0.1	0.3

CHỈ SỐ CUNG

STT.	Ngành nghề	QI'09	QII'09
1	Kế toán/Tài chính	9.1	11.4
2	Hành chính/Thư ký	6.6	8
3	Quảng cáo/Khuyến mãi/Đổi ngoại	3.3	3.4
4	Nông nghiệp/Lâm nghiệp	0.5	0.5
5	Kiến trúc	1	0.8
6	Dược/Công nghệ sinh học	1	1.1
7	Xây dựng	3.7	3.6
8	Tư vấn	1.9	2
9	Nghệ thuật/Thiết kế	1.6	1.5
10	Dịch vụ khách hàng	4.5	4.9
11	Giáo dục/Đào tạo/Thư viện	2.3	2.7
12	Kỹ thuật ứng dụng	6.4	6.8
13	Mới tốt nghiệp/Thực tập	2.8	3.1
14	Môi trường/Xử lý chất thải	1	1.1
15	Quản lý điều hành	4.6	4.8
16	Người nước ngoài	1.1	1
17	Xuất nhập khẩu	3.5	4
18	Phi chính phủ/Phi lợi nhuận	1.6	1.6
19	Chăm sóc sức khỏe/Y tế	0.4	0.4
20	Nhân sự	4.5	5.4
21	Bảo hiểm	0.8	0.7
22	Pháp lý	0.6	0.7
23	Sản xuất	3.4	3.2
24	Tiếp thị	1.4	1.5
25	Dầu khí/Khoáng sản	1.8	1.8
26	Bất động sản	2	2
27	Nhà hàng/Dịch vụ ăn uống	0.7	0.8
28	Bán sỉ/Bán lẻ	1.3	1.3
29	Bán hàng	4.8	5.3
30	Bán hàng kỹ thuật	4.1	4.2
31	CNTT-Phần mềm	4.3	4.2
32	Vận chuyển/Hậu cần	0.9	0.8
33	Du lịch/Khách sạn	3.1	3.6
34	Khác	1.7	1.9
35	Viễn thông	2.4	2.5
36	Ngân hàng/Đầu tư	6.8	8.8
37	Hóa chất/Sinh hóa	1.4	1.4
38	Mỹ phẩm	0.6	0.5
39	Da giày	0.3	0.3
40	Đồ gỗ/Nội thất	0.9	0.8
41	Biên phiên dịch	2	2.4
42	Báo chí	0.9	1
43	Vật tư	0.8	0.8
44	Dịch vụ an ninh	0.1	0.1
45	Thời vụ/Hợp đồng	0.2	0.2
46	Dệt may	0.8	0.9
47	Kho vận	0.9	0.9
48	Thực phẩm/Đồ uống	1.5	1.4
49	CNTT-Phần cứng/Mạng	4	3.9
50	Chứng khoán	1.4	1.9

www.vietnamworks.com